

BẢNG TIN THÔN TIN THUỐC SỐ 2 NĂM 2026

Giảm cân an toàn - hiểu đúng về bút tiêm hỗ trợ điều trị béo phì

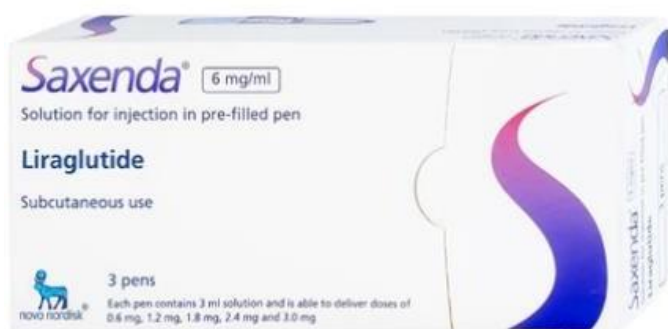
Trong bối cảnh ngày càng nhiều người tìm kiếm phương pháp giảm cân nhanh, các loại bút tiêm hỗ trợ giảm cân đang được sử dụng rộng rãi hơn, không chỉ trong điều trị đái tháo đường mà còn như một “giải pháp làm đẹp”. Tuy nhiên, việc lạm dụng các thuốc kê đơn này mà không có chỉ định y tế tiềm ẩn nhiều rủi ro nghiêm trọng cho sức khỏe.

Bút tiêm giảm cân là thuốc điều trị, không phải sản phẩm làm đẹp.

Các loại bút tiêm được quảng cáo là “giảm cân” thực chất là thuốc điều trị bệnh lý chuyển hóa, cần được bác sĩ thăm khám, chỉ định và theo dõi chặt chẽ. Đây không phải là giải pháp giảm cân cấp tốc hay sản phẩm làm đẹp có thể sử dụng tùy tiện. Việc tự ý sử dụng thuốc theo trào lưu, truyền miệng liều dùng hoặc mua thuốc trôi nổi có thể dẫn đến những rủi ro khó lường cho sức khỏe.

Thuốc kê đơn đang lưu hành trên thị trường.

Hiện nay, trên thị trường có một số thuốc tiêm điều trị đái tháo đường và hỗ trợ giảm cân chứa hoạt chất Liraglutide (như Victoza®, Saxenda®...). Tất cả các thuốc này đều thuộc nhóm thuốc kê đơn, việc sử dụng phải tuân thủ đúng chỉ định và được theo dõi y tế trong quá trình điều trị.



Ảnh minh họa: nguồn Internet



Ảnh minh họa: nguồn Internet

Hoạt chất Liraglutide và chỉ định sử dụng

Theo Dược thư Quốc gia Việt Nam (xuất bản năm 2022), Liraglutide là hoạt chất có tác dụng chống béo phì, được chỉ định trong điều trị thừa cân, béo phì ở các đối tượng cụ thể, không sử dụng đại trà.

Thuốc chứa hoạt chất Liraglutide được chỉ định như một liệu pháp hỗ trợ cho chế độ ăn giảm calo và tăng cường hoạt động thể chất nhằm kiểm soát cân nặng, khi có chỉ định của bác sĩ, đối với các đối tượng sau:

Người lớn:

Có BMI từ 30 kg/m² trở lên (béo phì);
Hoặc BMI từ 27 kg/m² đến dưới 30 kg/m² (thừa cân) nhưng kèm theo ít nhất một bệnh lý liên quan đến cân nặng như rối loạn đường huyết (tiền đái tháo đường hoặc đái tháo đường typ 2), tăng huyết áp, rối loạn lipid máu hoặc hội chứng ngưng thở khi ngủ.

Trẻ em và vị thành niên từ 12 tuổi trở lên: Có khối lượng cơ thể trên 60 kg; Và BMI tương ứng với mức 30 kg/m² hoặc cao hơn ở người lớn (béo phì) theo tiêu chí Cole.

Nguy cơ khi lạm dụng bút tiêm giảm cân.

Việc lạm dụng hoặc sử dụng thuốc tiêm giảm cân không đúng đối tượng có thể gây ra nhiều tác dụng không mong muốn như:

- Rối loạn tiêu hóa kéo dài, buồn nôn, nôn
- Mệt mỏi, chóng mặt, suy nhược.
- Rối loạn chuyển hóa, ảnh hưởng đến kiểm soát đường huyết.
- Giảm cân quá nhanh dẫn đến mất cơ, suy dinh dưỡng.

- Bên cạnh đó, việc sử dụng thuốc sai mục đích còn có thể gây khan hiếm thuốc, ảnh hưởng đến quyền lợi điều trị của bệnh nhân đái tháo đường và béo phì là những đối tượng thực sự cần thuốc theo chỉ định y tế.

Giảm cân là hành trình cần sự kiên trì và khoa học, không thể thay thế bằng những giải pháp nhanh chóng và thiếu kiểm soát. Việc sử dụng bút tiêm giảm cân chỉ nên thực hiện khi có chỉ định và theo dõi của bác sĩ chuyên môn. Người dân cần tỉnh táo trước các trào lưu sử dụng thuốc không rõ nguồn gốc, tránh gây hại cho sức khỏe bản thân. Hãy lựa chọn giảm cân an toàn, bền vững để bảo vệ chính mình và cộng đồng./.

Nguồn: Dược thư quốc gia Việt Nam – xuất bản năm 2022.

Liều chuẩn các thuốc PPI trong điều trị trào ngược dạ dày - thực quản (GERD)

Trào ngược dạ dày – thực quản (GERD) là một bệnh lý mạn tính và việc điều trị chủ yếu nhằm giảm các triệu chứng và ngăn ngừa các biến chứng. Các thuốc ức chế bơm proton (PPI) là nhóm thuốc được sử dụng rộng rãi để điều trị GERD.

Thuốc PPI giảm nồng độ axit trong dạ dày bằng cách ức chế không hồi phục các bơm proton ở tế bào viền, ngăn cản sự bài xuất của ion H⁺ vào dịch vị dạ dày. Từ đó giúp hạn chế tình trạng trào ngược dạ dày thực quản, giảm viêm loét dạ dày tá tràng.

Dưới đây là liều chuẩn của các thuốc PPI phổ biến trong điều trị GERD, theo các khuyến cáo của Hội Khoa học Tiêu hóa Việt Nam:

Thuốc PPI	Liều Chuẩn
Omeprazol	20 mg mỗi ngày
Pantoprazol	40 mg mỗi ngày
Lansoprazol	30 mg mỗi ngày
Dexlansoprazol	30 mg mỗi ngày
Esomeprazol	40 mg mỗi ngày
Rabeprazol	20 mg mỗi ngày

Thời điểm sử dụng thuốc PPI:

Việc lựa chọn liều và thời gian sử dụng PPI phụ thuộc vào từng trường hợp. Thuốc PPI nên được sử dụng vào buổi sáng, trước bữa ăn từ 30 đến 60 phút để



Ảnh minh họa: nguồn Internet

đạt hiệu quả tối ưu. Việc sử dụng thuốc vào thời điểm này giúp ức chế bơm proton, giảm tiết axit dạ dày và ngăn ngừa trào ngược axit trong suốt cả ngày. Liều dùng có thể được điều chỉnh tùy theo tình trạng lâm sàng của bệnh nhân và đáp ứng điều trị.

Thời Gian Điều Trị Trong hầu hết các trường hợp GERD, điều trị bằng PPI kéo dài từ 4 đến 8 tuần. Tuy nhiên, nếu bệnh nhân có triệu chứng tái phát hoặc không đáp ứng đầy đủ với phác đồ điều trị ban đầu, bác sĩ có thể chỉ định điều trị dài hạn hoặc thay đổi phương pháp điều trị.

Lưu ý khi sử dụng PPI

Mặc dù PPI là nhóm thuốc rất hiệu quả trong điều trị GERD, nhưng việc sử dụng thuốc này dài hạn có thể gây ra một số tác dụng phụ, bao gồm:

Thiếu hụt vitamin B12: PPI có thể làm giảm khả năng hấp thu vitamin B12 trong dạ dày.

Loãng xương: Dùng PPI kéo dài có thể làm tăng nguy cơ loãng xương và gãy xương, đặc biệt là ở người cao tuổi.

Nhiễm trùng dạ dày: Dùng PPI lâu dài có thể làm tăng nguy cơ nhiễm trùng dạ dày do giảm axit dạ dày.

Do đó, bệnh nhân cần được theo dõi định kỳ khi sử dụng PPI, đặc biệt là trong các trường hợp điều trị dài hạn. Các bác sĩ cũng cần điều chỉnh liều lượng hoặc thay đổi phác đồ điều trị khi cần thiết.

Liều chuẩn của các thuốc PPI trong điều trị GERD theo Hiệp hội Khoa học Tiêu hóa Việt Nam được thiết lập nhằm đảm bảo hiệu quả điều trị và an toàn cho bệnh nhân. Việc tuân thủ đúng liều lượng, thời gian và cách thức sử dụng thuốc sẽ giúp bệnh nhân giảm triệu chứng và cải thiện chất lượng cuộc sống. Tuy nhiên, bệnh nhân cần được theo dõi thường xuyên để điều chỉnh phác đồ điều trị và giảm thiểu nguy cơ tác dụng phụ khi sử dụng thuốc kéo dài.

Nguồn: https://duocsivietnam-vahp.org/News/Detail?slug=cap-nhat-huong-dan-chan-doan-va-dieu-tri-gerd-hoi-khoa-hoc-tieu-hoa-viet-nam&fbclid=IwY2xjawPUNB9leHRuA2FlbQIxMABicmlkETE1NTFMcXJTZG1KN0h4dW5wc3J0YwZhcHBfaWQQMjIyMDM5MTc4ODIwMDg5MgABHitaqYaq1l4in4zJYeE4wjyxh3BMB4ZlhTRJqRi86oiO8tAud_Wteb_MWsKS_aem_kKIYAiiIq_RCfC-c3m25bjw

Lưu ý khi sử dụng Trimetazidin – Thuốc điều trị đau thắt ngực

Trimetazidin là một trong những thuốc thường được chỉ định trong điều trị đau thắt ngực, đặc biệt là đối với những trường hợp đau thắt ngực vi mạch. Thuốc có tác dụng chính là bảo tồn năng lượng cho tế bào cơ tim, giúp duy trì hoạt động của cơ tim trong tình trạng thiếu oxy hoặc thiếu máu cục bộ.

Chỉ định và cách dùng Trimetazidin

Trimetazidin được chỉ định trong liệu pháp bổ sung cho các biện pháp điều trị đau thắt ngực không đáp ứng đầy đủ hoặc khi bệnh nhân không dung nạp với các phương pháp điều trị khác. Dạng bào chế phổ biến của thuốc bao gồm viên nén bao phim 20mg, dung dịch uống 20mg/ml và viên nén giải phóng kéo dài 35mg. Hiện nay, tại kho thuốc khoa Dược Bệnh viện có loại viên nén hàm lượng 80mg biệt dược **Vastarel OD 80mg**.



Ảnh minh họa: nguồn Internet

Liều dùng trimetazidin thường là 35mg, uống 2 lần mỗi ngày, vào buổi sáng và buổi tối, cùng với bữa ăn để đảm bảo hiệu quả điều trị. Hiệu quả của điều trị nên được đánh giá sau 3 tháng. Nếu không có đáp ứng điều trị, thuốc cần được ngừng sử dụng.



Ảnh minh họa: nguồn Internet

Tác dụng phụ và lưu ý khi sử dụng

Tác dụng phụ: Trimetazidin thường ít gây ảnh hưởng đến các thông số huyết động, nhưng có thể làm trầm trọng thêm triệu chứng bệnh Parkinson (run, mất kiểm soát vận động). Do đó, đối với bệnh nhân cao tuổi, cần theo dõi chặt chẽ để tránh các triệu chứng như chóng mặt, mất thăng bằng. Thuốc cũng có thể gây ù tai, chóng mặt, và rối loạn thị lực. Những bệnh nhân gặp phải những vấn đề này không nên sử dụng thuốc.

Lưu ý quan trọng

Trimetazidin không phải là lựa chọn điều trị đầu tay cho đau thắt ngực. Thuốc chỉ được sử dụng khi các biện pháp điều trị khác không hiệu quả hoặc không được dung nạp. Thuốc đã được sử dụng tại Việt Nam từ năm 2003 và được nhiều bệnh

tin dùng. Tuy nhiên, sau khi Cơ quan Quản lý Dược phẩm Châu Âu (EMA) đánh giá lại, hiện nay thuốc chỉ còn được chỉ định trong các trường hợp đặc biệt khi các thuốc điều trị đau thắt ngực khác không hiệu quả. Lưu ý trong thể thao: Trimetazidin bị Cấm sử dụng trong thi đấu thể thao từ năm 2014 vì tác dụng cải thiện hiệu suất tim mạch, gây sự không công bằng trong các cuộc thi đấu.

Dược động học

Trimetazidin được hấp thu tốt qua đường tiêu hóa và không bị ảnh hưởng

bởi thức ăn. Nồng độ thuốc trong huyết tương đạt tối đa sau khoảng 5 giờ và duy trì hiệu quả trong vòng 24 giờ.

Kết luận

Trimetazidin là một lựa chọn hiệu quả cho điều trị đau thắt ngực trong những trường hợp bệnh nhân không đáp ứng tốt với các thuốc khác. Tuy nhiên, việc sử dụng thuốc cần tuân thủ đúng hướng dẫn của bác sĩ và theo dõi chặt chẽ các tác dụng phụ để đảm bảo an toàn cho người bệnh.

Nguồn: <https://duocsivietnam-vahp.org/News/Detail?slug=luu-y-khi-dung-trimetazidin-thuoc-chua-dau-that-nguc>

Quy Định Mới về Kê Đơn Thuốc Cổ Truyền và Thuốc Dược Liệu Theo Thông Tư 55/2025/TT-BYT

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, Bộ Y tế Việt Nam đã ban hành Thông tư số 55/2025/TT-BYT, quy định về kê đơn thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu và việc kết hợp thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu với thuốc hóa dược trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Thông tư này sẽ có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2026 và thay thế Thông tư số 44/2018/TT-BYT.

Phạm vi áp dụng và đối tượng kê đơn

Thông tư này áp dụng cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, bao gồm cơ sở thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc kê đơn thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu và kết hợp thuốc cổ truyền với thuốc hóa dược.

Các quy định chính về kê đơn thuốc cổ truyền và dược liệu

Nguyên tắc kê đơn thuốc:

- Kê đơn thuốc phải căn cứ vào các tài liệu đã được Bộ Y tế phê duyệt, bao gồm hướng dẫn sử dụng thuốc, Dược điển Việt Nam hoặc Dược điển nước ngoài được Bộ Y tế công nhận, Dược thư quốc gia Việt Nam hiện hành.
- Trùng lặp vị thuốc cổ truyền, dược liệu: Kê đơn khi có sự trùng lặp các vị thuốc cổ truyền hoặc dược liệu trong thuốc thang, thuốc cổ truyền (dạng bào chế truyền thống hoặc hiện đại) và thuốc dược liệu, tuân thủ các tiêu chuẩn chế biến thuốc cổ truyền.
- Kê đơn thuốc thang và thuốc kết hợp: Các cơ sở khám chữa bệnh có thể kê đơn thuốc thang riêng lẻ hoặc kết hợp với thuốc cổ truyền và thuốc dược liệu, với liều lớn hơn theo quy định khi có sự trùng lặp vị thuốc.



Ảnh minh họa: nguồn Internet

- Kê đơn kết hợp thuốc cổ truyền và thuốc hóa dược: Có thể kê đơn kết hợp thuốc thang, thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu với thuốc hóa dược, hoặc kê đơn từng loại thuốc riêng lẻ trong mỗi lần kê đơn.
- Kê đơn trong điều trị ngoại trú: Kê đơn thuốc hóa dược kết hợp với thuốc cổ truyền và thuốc dược liệu trong điều trị ngoại trú theo quy định tại Thông tư số 26/2025/TT-BYT.
- Kê đơn trong điều trị nội trú và ban ngày: Kê đơn thuốc trong điều trị nội trú và điều trị ban ngày phải tuân thủ các quy định tại Thông tư số 23/2011/TT-BYT.

Thẩm quyền kê đơn thuốc được liệu, thuốc cổ truyền:

Thông tư quy định rõ về thẩm quyền kê đơn thuốc cổ truyền và thuốc được liệu. Cụ thể, các bác sĩ, y sĩ có chứng chỉ hành nghề và đào tạo phù hợp sẽ được phép kê đơn thuốc cổ truyền và thuốc được liệu:

Bác sĩ chuyên khoa y học cổ truyền và bác sĩ đa khoa có đào tạo về y học cổ truyền được phép kê đơn thuốc thang, thuốc cổ truyền, thuốc được liệu.

Y sĩ y học cổ truyền, lương y cũng có quyền kê đơn thuốc cổ truyền trong phạm vi hành nghề được cấp phép.

Đối với thuốc được liệu, chỉ những người hành nghề đáp ứng điều kiện chuyên môn theo quy định mới được phép kê đơn.

Các hình thức kê đơn thuốc

Kê đơn riêng lẻ thuốc thang, thuốc cổ truyền dạng bào chế truyền thống hoặc hiện đại, thuốc được liệu.

Kê đơn kết hợp giữa thuốc cổ truyền và thuốc hóa dược, hoặc thuốc được liệu và thuốc hóa dược.

Kê đơn bài thuốc gia truyền đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

Kê đơn thuốc điện tử

Một điểm mới quan trọng của Thông tư là việc kê đơn thuốc điện tử. Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng đã triển khai hình thức kê đơn thuốc điện tử, giúp nâng cao hiệu quả trong việc quản lý đơn thuốc và hồ sơ bệnh án.

Đơn thuốc điện tử sẽ có giá trị pháp lý như đơn thuốc giấy và được lưu trữ trong hệ thống dữ liệu của bệnh viện, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Việc này giúp giảm thiểu sai sót, tăng tính minh bạch và tạo thuận lợi cho bệnh nhân trong việc theo dõi và nhận thuốc. Khi Thông tư có hiệu lực, bệnh viện sẽ tích hợp mẫu đơn thuốc lên phần mềm kê đơn, tuân thủ theo các quy định mới của Bộ Y tế.

Thời hạn giá trị và lưu trữ đơn thuốc:

Theo Thông tư, đơn thuốc có giá trị trong 5 ngày kể từ ngày kê đơn thuốc.

Đơn thuốc sẽ được lưu trữ theo quy định của Bộ Y tế, bảo đảm tính bảo mật và truy xuất khi cần thiết.

Thông tư 55/2025/TT-BYT được ban hành nhằm chuẩn hóa quy trình kê đơn thuốc cổ truyền, thuốc được liệu và thuốc hóa dược trong các cơ sở y tế. Việc áp dụng các quy định này sẽ giúp nâng cao chất lượng điều trị, bảo đảm an toàn cho người bệnh và cải thiện công tác quản lý thuốc trong các cơ sở khám chữa bệnh. Bệnh viện sẽ thực hiện đầy đủ các quy định trong Thông tư, đảm bảo quá trình kê đơn thuốc cổ truyền và thuốc được liệu được thực hiện một cách chính xác và an toàn, đồng thời tối ưu hóa việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền.

1. Egilok

Hoạt chất: Metoprolol

Hàm lượng: 25mg, 50mg, 100mg

Biệt dược: Egilok

Mã thuốc BV: G2025.0741

Nhóm dược lý: THUỐC TIM MẠCH

Dạng bào chế: Viên nén



Chỉ định:

- Tăng huyết áp, dùng đơn thuần hay nếu cần, phối hợp với các thuốc hạ huyết áp khác; giảm tử vong do tim mạch và động mạch vành (kể cả đột tử) ở bệnh nhân bị tăng huyết áp.
- Chứng đau thắt ngực. Có thể dùng thuốc đơn thuần hay phối hợp với các thuốc chống đau thắt ngực khác.
- Điều trị duy trì - với mục đích dự phòng thứ cấp - sau khi bị nhồi máu cơ tim. Loạn nhịp tim (nhịp nhanh xoang, nhịp trên thất nhanh, ngoại tâm thu thất).
- Cường giáp (để làm chậm nhịp tim).
- Phòng ngừa chứng nhức nửa đầu.

Chống chỉ định Quá mẫn với thành phần thuốc. Blocc nhĩ thất độ II, III, suy tim mất bù, chậm nhịp xoang, hội chứng suy nút xoang, sốc tim, bệnh động mạch ngoại biên nặng.

Liều dung và cách sử dụng

- Tăng HA: 50 mg, ngày 1 lần hay chia 2 lần, có thể tăng dần lên 100 - 200 mg/ngày, tối đa 400 mg/ngày.
- Đau thắt ngực, loạn nhịp tim: 100 - 200 mg/ngày chia 2 lần, có thể tăng lên 400 mg/ngày.
- Điều trị duy trì sau nhồi máu cơ tim: 200 mg/ngày, chia 2 lần.
- Hồi hộp do bệnh tim chức năng, cường giáp: 100 mg/ngày chia 2 lần, khi cần tăng lên 400 mg/ngày.
- Dự phòng đau nửa đầu 100 - 200 mg/ngày, chia 2 lần.

2. Rabeprazole sodium 20 mg

Hoạt chất: Rabeprazole

Hàm lượng: 20mg

Biệt dược: Rabeprazole sodium 20 mg

Mã thuốc BV: G2025.0958

Nhóm dược lý: Thuốc đường tiêu hóa



Dạng bào chế: Bột pha tiêm

Chỉ định:

- Điều trị tiếp theo Rabeprazol dùng đường uống, ở bệnh nhân tạm thời không thể dùng thuốc uống do bất kỳ lý do gì, ví dụ như phẫu thuật.
- Loét tá tràng tiến triển có chảy máu hoặc loét nghiêm trọng.
- Loét dạ dày tiến triển có chảy máu hoặc loét nghiêm trọng.
- Bệnh trào ngược dạ dày - thực quản có loét hoặc loét nghiêm trọng (GORD/GERD), hoặc bệnh trào ngược không loét (NERD) nhưng bệnh nhân không thể dùng thuốc uống.
- Phòng ngừa hút acid trong khi phẫu thuật. Tồn thương niêm mạc do stress trong chăm sóc đặc biệt như: tổn thương đầu, bỏng,...
- Các trường hợp tăng tiết bệnh lý, bao gồm hội chứng Zollinger - Ellison.

Chống chỉ định:

Quá mẫn với rabeprazol, dẫn xuất benzimidazol hoặc bất cứ thành phần nào của thuốc.

Có thai và cho con bú.

Liều lượng và cách dùng:

Thuốc này chỉ được dùng theo sự kê đơn của thầy thuốc. Người lớn: Liều đề nghị 20mg Rabeprazol natri ngày một lần. Không cần chỉnh liều ở bệnh nhân suy thận, suy gan hoặc người cao tuổi. Liều trên 40mg/ngày chưa được nghiên cứu ở bệnh nhân suy gan. Không cần chỉnh liều ở bệnh nhân đang thẩm phân máu.

Trẻ em: Không đề nghị dùng thuốc này.

Đường dùng: tiêm tĩnh mạch chậm trên 15 phút hoặc truyền tĩnh mạch. Không được tiêm bắp.

Cách dùng: Hòa tan hoàn toàn bột thuốc đông khô với 5ml nước pha tiêm hoặc dung dịch natri clorid. Dung dịch thuốc sau khi pha xong không màu. Không sử dụng nếu có thay đổi màu sắc hay đục hoặc kết tủa.